TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn và ông Đỗ Quang Huy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phong - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1994.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, huyện X, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Xuân L, sinh năm 1995.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, huyện X, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Hoàng Xuân L kết hôn với nhau từ tháng 9 năm 2014 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 52/2014, Quyển số 01 ngày 03/9/2014). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T, xã H, huyện Phú Xuyên. Sau một thời gian chung sống đến khoảng tháng 6 năm 2015, vợ chồng bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt là bất đồng trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, trong công việc, trong làm ăn kinh tế mỗi người một chí hướng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng lẫn nhau và nghi ngờ nhau không chung thủy, từ đó thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí nhiều lần còn xảy ra xô xát. Song, vì thương con còn nhỏ nên chị cố gắng ở lại nhà anh L mong hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không những không hóa giải được mà ngày càng trầm trọng. Đến tháng 3/2017 chị đã mang con bỏ về nhà bố mẹ

đẻ ở thôn Hoàng Lý 2, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, vợ chồng tự sống ly thân từ đó đến nay không còn quan T cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Thị Bích D, sinh ngày 08/3/3015 hiện đang ở cùng chị; ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn anh Hoàng Xuân L:

Mặc dù đã nhiều lần được triệu tập đến Tòa làm việc cũng như triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do nên không rõ quan điểm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã H, huyện Phú Xuyên và làm việc với mẹ đẻ anh L là bà Nguyễn Thị H...qua xác minh, làm việc, xác định sau khi ly thân với chị T một thời gian, anh L được gia đình cho ra Thành phố Hà Nội làm ăn. Tại thời điểm giải quyết vụ án, anh L có Hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H và vẫn thường xuyên liên lạc, đi về nhà bà Hoàn; bà Hoàn biết rõ nơi anh L đang sống và làm việc tại Thành phố Hà Nội nhưng từ chối cung cấp địa chỉ cụ thể cho chị T và Tòa án với lý do sợ chị T nếu biết được, tìm đến gây khó dễ sẽ làm ảnh hưởng đến công việc, cuộc sống của anh L.

Quan điểm của UBND xã H là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh L để giải phóng cho cả hai bên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Hoàng Thị Thanh T được ly hôn anh Hoàng Xuân L; về con chung giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Thị Bích D, sinh ngày 08/3/3015 và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh L; về tài sản chung, công nợ chung đề nghị tách ra chưa xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Mặc dù vào thời điểm Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Xuân L không liên tục có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là thôn T, xã H, huyện Phú Xuyên, song quá trình Tòa án thu thập chứng cứ thông qua xác minh tại UBND xã H và làm việc với bà Nguyễn Thị H (Mẹ đẻ anh L) cho thấy anh L vẫn thường xuyên liên lạc, đi về gia đình bố mẹ đẻ; phía gia đình anh L cũng khẳng định biết rõ địa chỉ chỗ ở của anh L hiện nay nhưng từ chối khai báo, cung cấp cho Tòa án. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập, giao các văn bản tố tụng cho anh L thông qua bà Nguyễn Thị H; phía bà H cũng khẳng định đã giao và thông báo lại cho anh L giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, nên đây được coi là trường bị đơn cố tình giấu địa chỉ và cố tình không đến Tòa làm việc, vì vậy TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thanh T và anh Hoàng Xuân L là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 52, Quyển số 01 ngày 03/9/2014). Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm kể từ năm 2015 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống, từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 3/2017 khiến chị T bỏ đi khỏi nhà anh L, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay. Về phía anh L và gia đình giấu không cung cấp địa chỉ và cố tình không đến Tòa làm việc đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do mâu thuẫn đã quá lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T về ly hôn anh L là có căn cứ nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T, anh L có 01 con chung là Hoàng Thị Bích D, sinh ngày 08/3/3015 hiện chị T đang nuôi dưỡng; do con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ, mặt khác phía anh L không thường xuyên có mặt tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi dưỡng con chung là hợp lẽ và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án do anh L không đến Tòa làm việc nên chưa có đầy đủ căn cứ xác định được tài sản chung, công nợ chung của chị T, anh L; để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên phần tài sản, công nợ chung cần tách ra chưa xét trong vụ án này và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh .

Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Thanh T được ly hôn anh Hoàng Xuân L.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Hoàng Thị Thanh T và anh Hoàng Xuân L là Hoàng Thị Bích D, sinh ngày 08/3/3015 cho chị Hoàng Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn cho anh Hoàng Xuân L việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Xuân L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005113 ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị Hoàng Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành an được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Anh Phương